

**BỘ GIÁO DỤC CỘNG HÒA XÃ HỘI
VÀ ĐÀO TẠO CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Độc lập - Tự do -
HỌC SƯ HẠNH PHÚC
PHẠM
TP.HCM

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN
HỌC BỔNG HK1**

Khoa Sinh học (năm học 2010 -2011)

(Danh sách kèm theo quyết định số
1063/QĐ-ĐHSP ngày 06/06/2011)

STT	Họ và tên	Mã SV ĐT ĐR BH L T	Mức học bổng	Số tiền
1	Huỳnh Cườ nh N ng guyễn n	K363.2593 .301 .005	300,0 00	1,50 0,00 0
2	ĐặngDiệu Trìn h Ngọc	K363.4699 .301 .009	300,0 00	1,50 0,00 0
3	Phạm Dun m N g guyễn n Ph	K363.3882 .301 .013	300,0 00	1,50 0,00 0
4	Tạ Lệ Thị	K362.8880 .301 .026	240,0 00	1,20 0,00 0
5	Hồ Tran Thị g Thùy	K362.8880 .301 .055	240,0 00	1,20 0,00 0
6	Nguyễn Hoàn g	K363.0493 .301 .063	240,0 00	1,20 0,00 0

7 Trươ Chi K363.5083
 ng N .301 300,0 1,50
 guyễn .002 00 0,00
 n 0
 Lan

8 Phạ Cúc K362.8880
 m .301 240,0 1,20
 Thị .007 00 0,00
 0

9 Lươ HằgK363.3391
 ng .301 300,0 1,50
 Thị .017 00 0,00
 0

10 Phạ Đạt K363.1782
 m .301 240,0 1,20
 Phát .032 00 0,00
 0

11 Ngu Trầ K362.8890
 yễn .301 240,0 1,20
 Thị .054 00 0,00
 0

12 Lê K363.0082
 Thị .301 240,0 1,20
 Út .064 00 0,00
 0

13 Võ K363.4280
 Thị .301 300,0 1,50
 .071 00 0,00
 0

14 HoànNgocK347.8882
 g Th .301 240,0 1,20
 anh .047 00 0,00
 Lệ 0

15 Đoàn K357.3180
 Lê .301 240,0 1,20
 .007 00 0,00
 0

16 Ngu Lan K35 7.0985
 yễn .301 240,0 1,20
 Thị .017 00 0,00
 Than 0
 h

17 Ngu PhươK35 7.2585
 yễn ng .301 240,0 1,20
 Trần .034 00 0,00
 0

18 Mai Yễn K35 7.2583
 Thị .301 240,0 1,20
 .060 00 0,00
 0

19 Ngu Hào K35 7.1687
 yễn .301 240,0 1,20
 Thị .006 00 0,00
 0

20 Trần QuốcK35 7.4794
 .301 240,0 1,20
 .037 00 0,00
 0

21 Trần TrâmK35 7.3479
 Thị .301 240,0 1,20
 Thùy .050 00 0,00
 0

22 Lê Vi K35 7.4796
 Thị .301 240,0 1,20
 Tườ .057 00 0,00
 ng 0

23 Phan Dươ K34 7.5485
 ng .301 240,0 1,20
 .010 00 0,00
 0

24 Hà HằngK34 7.8682
 Thị .301 240,0 1,20
 .013 00 0,00
 0

25 Bùi Hà K34 7.5085
 .301 240,0 1,20
 .017 00 0,00

			0
26	Từ HThư K34 7.25 82		
	ong .301	240,0 1,20	
	.073	00 0,00	
		0	
27	Lê Tran K34 7.57 85		
	Thị g .301	240,0 1,20	
	.076	00 0,00	
		0	
28	Phan Tran K34 7.21 82		
	Thị g .301	240,0 1,20	
	.078	00 0,00	
		0	
29	Ngu K34 7.21 85		
	yễn .301	240,0 1,20	
	Nữ .083	00 0,00	
		0	
30	ĐặngDanhK34 7.18 94		
	.301	240,0 1,20	
	.005	00 0,00	
		0	
31	Ngu HằngK34 7.18 100		
	yễn .301	240,0 1,20	
	Thị .014	00 0,00	
	Mộn	0	
	g		
32	Đỗ Hào K34 7.32 86		
	.301	240,0 1,20	
	.018	00 0,00	
		0	
33	Ngu NgânK34 7.25 86		
	yễn .301	240,0 1,20	
	Thị .044	00 0,00	
		0	
34	Trần OanhK34 7.14 86		
	Thị .301	240,0 1,20	
	.054	00 0,00	
		0	

35	Ngu Thơ	K34 7.54 85			
	yễn m	.301	240,0	1,20	
	Thị	.072	00	0,00	
			0		
36	Phạ An	K33 7.44 89			
	m	.301	240,0	1,20	
	Thị	.001	00	0,00	
			0		
37	Phạ Bằng	K33 7.71 94			
	m	.301	240,0	1,20	
		.004	00	0,00	
			0		
38	Lê	K33 7.50 99			
	Thị	.301	240,0	1,20	
		.006	00	0,00	
			0		
39	Ngu	K33 7.50 99			
	yễn	.301	240,0	1,20	
	Thị	.012	00	0,00	
	Hôn		0		
	g				
40	Ngu	K33 7.56 96			
	yễn	.301	240,0	1,20	
	Thị	.015	00	0,00	
	Như		0		
41	Ngu Hoa	K33 7.53 98			
	yễn	.301	240,0	1,20	
	Thị	.021	00	0,00	
	Than		0		
	h				
42	Đào Huỳ	K33 7.94 89			
	nh	.301	240,0	1,20	
		.025	00	0,00	
			0		
43	Đào Anh	K33 7.59 81			
	Thị	.301	240,0	1,20	
		.003	00	0,00	
			0		

44 Võ Đạt K33 7.4790
 .301 240,0 1,20
 .010 00 0,00
 0

45 Trần Đào K33 7.74100
 Thị .301 240,0 1,20
 Trúc .011 00 0,00
 0

46 Võ K33 7.7494
 .301 240,0 1,20
 .020 00 0,00
 0

47 Ngu Huệ K33 7.4798
 yến .301 240,0 1,20
 Thị .022 00 0,00
 0

58,2
 00,0
 00